

Bản án số: 91/2017/HS-ST
Ngày 01-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Oanh.
2. Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2017/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐXXST-HS ngày 21/11/2017 đối với bị cáo:

Phạm Xuân D, sinh ngày 26/01/1992.

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 11/12

- Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam Tôn giáo: Thiên chúa giáo.

- Con ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị Y.

- Bị cáo chưa có vợ.

- Nhân thân: Quyết định số 187/QĐ/XPVPHC ngày 18/12/2010 của Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Xuân D về hành vi chiếm đoạt tài sản với số tiền là 1.000.000 đồng.

- Ngày 12/4/2016 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình khởi tố về tội Trộm cắp tài sản. Bị bắt theo quyết định truy nã số 04 ngày 02/7/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Tại bản án số 123/2017/HSST ngày 17/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Tiền sự: Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 29/8/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn là 24 tháng đã chấp hành xong vào ngày 22/9/2015.

- Tiền án: không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình theo Quyết định tạm giam số: 136/2017/HSST-QĐTG ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo trích xuất, có mặt.

- **Người bị hại:** Ông Trần Đình D, sinh năm 1969.

Trú tại: thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 20/10/1992.

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- **Người làm chứng:** ông Nguyễn Công T sinh năm 1953

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 30/01/2016, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô biển số đăng ký 17L1-0979 và mang theo một bộ vạm phá khóa đến nhà Phạm Xuân D để rủ D đi trộm cắp xe máy. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày Q chở D đi đến thôn V, xã V, huyện V thì phát hiện phía trước khoảng 30 mét có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc biển số đăng ký 17B1 - 26148 trị giá 7.875.000 đồng của ông Trần Đình D dựng ở vệ đường phía bên phải. Q và D quan sát thấy không có người trông coi nên Q dừng xe, D đứng cạnh giới, Q đi bộ lại gần chiếc xe Honda Wave màu đen, bạc rồi dùng tay phải cầm vào tay nắm bên trái xem xe có khóa cổ không. Thấy xe không khóa cổ, Q dùng tay phải lấy vạm phá khóa ở túi quần ra cắm vào ổ khóa điện dùng tay phải vặn theo chiều từ trái sang phải để phá khóa xe. Sau khi phá được ổ khóa điện của xe, Q bỏ vạm phá khóa vào túi quần, nổ máy xe điều khiển chiếc xe mô tô trộm cắp về nhà Q để cất giấu. Thấy Q lấy được xe phóng đi D điều khiển xe máy của Q đuổi theo cùng về nhà Q. Sau khi cất giấu chiếc xe mô tô trộm cắp, Q đưa cho D 500.000 đồng và nói khi nào bán được xe thì sẽ đưa thêm 500.000 đồng. Đến khoảng 6 giờ ngày 31/01/2016 Q đi xe mô tô biển số đăng ký 17B1 - 26148 trộm cắp được đến chợ T thị trấn V, huyện V bán cho một người nam giới không quen biết được 2.000.000 đồng, Q đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Lời khai của người bị hại là ông Trần Đình D; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Q; lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Công T; Biên bản xác định hiện trường hiện trường và sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình lập hồi 12 giờ 00 ngày 10/6/2016 đều thể hiện như lời khai của bị cáo.

- Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư số 15 và Biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2016 kết luận: “xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen, bạc biển số đăng ký 17 B1 - 26148 số khung RLHHC 1203BY168555, số máy HC12E 2968655 cũ, đã qua sử dụng giá trị còn lại: 7.875.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn*)”.

Bản Cáo trạng số 88/KSĐT ngày 30 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư truy tố bị cáo Phạm Xuân D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư giữ nguyên quan điểm truy tố và: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Vật chứng của vụ án và về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án số 61/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Đối với số tiền 500.000đ do D phạm tội mà có đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo, người bị hại không ai khiếu nại hay có ý kiến gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và được chứng minh bằng: Biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 30/01/2016 tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, Phạm Xuân D đã cùng Nguyễn Văn Q trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave biển số đăng ký 17 B1 - 26148, trị giá 7.875.000 đồng của ông Trần Đình D. Q đã mang xe đi bán cho một người nam giới không quen biết tại chợ T thị trấn V, huyện V lấy 2.000.000 đồng. Q chia cho D 500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Xuân D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; làm mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn; Bị cáo biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện việc coi thường pháp luật.

[4] Về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong vụ án này bị cáo đồng phạm với Nguyễn Văn Q với vai trò giúp sức. Đối với Nguyễn Văn Q đã bị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 61/2016/HSST ngày 29/9/2016. Bị cáo D có nhân thân xấu, đã bị xử phạt hành chính và đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà còn phạm tội; Ngày 06/4/2016 có hành vi trộm cắp tài sản tại xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 123/2017/HSST ngày 17/11/2017. Sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo vì vậy cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo cần thiết phải xử phạt mức hình phạt nghiêm khắc với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án và về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án số 61/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Đối với phần nghĩa vụ của bị cáo về vấn đề bồi thường thiệt hại, do anh Nguyễn Văn Q chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2/ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3/ Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết tại bản án số 61/2016/HSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Đối với phần nghĩa vụ của bị cáo về vấn đề bồi thường thiệt hại, do anh Nguyễn Văn Q chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này, khi nào yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, ông Trần Đình D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 01/12/2017.

Anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương